

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ Điều 212 và 213 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 11/02/2025, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án KDTM thụ lý số: 39/2024/TLST-KDTM ngày 12/11/2024, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TNHH một thành viên P. Địa chỉ trụ sở: tầng 1, tầng 2, tầng 10 và tầng 11, tòa nhà H T, số B N, phường L, quận H, thành phố H - Người đại diện theo pháp luật: Ông Chee Keng E - Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng TNHH MTV P. Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Hoài H - Giám đốc Ngân hàng TNHH một thành viên P chi nhánh T2. Địa chỉ chi nhánh: C Đ, phường H, quận T, thành phố Đ. Người nhận ủy quyền lại: Ông Lê Nguyên K, chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng TNHH một thành viên P chi nhánh T2 theo giấy ủy quyền số 18/2024/PBVN-TKE/GUQ ngày 16/9/2024.

- *Bị đơn*: Công Ty TNHH D1. Địa chỉ: K T, phường P, quận S, thành phố Đ. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thùy D; Chức vụ : Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc. Đ

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:Đ

+ Bà Nguyễn Thị Thùy D. Địa chỉ: K T, phường P, quận S, thành phố Đ.
+ Ông Chế Viết T. Địa chỉ: K T, phường P, quận S, thành phố Đ. Đ

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:Đ

2.1 Xác nhận nợ:

Công Ty TNHH D1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TNHH một thành viên P số tiền tạm tính đến ngày 11/02/2025 là: **17.055.873.231** đồng (Mười bảy tỷ, không trăm năm mươi lăm triệu, tám trăm bảy mươi ba nghìn, hai trăm ba mươi một đồng), Trong đó:

Nợ theo hợp đồng tín dụng là **16.424.738.306 đồng** (Mười sáu tỷ bốn trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn ba trăm lẻ sáu đồng) gồm: Nợ gốc **14.999.000.000 đồng**; Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn: **1.393.582.705 đồng**; T1 lãi chậm trả: **32.155.601 đồng**.

Nợ số tiền thẻ tín dụng Signature của bà Nguyễn Thị Thùy D là **631.134.925 đồng** (Sáu trăm ba mươi một triệu một trăm ba mươi bốn nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng) gồm: Nợ gốc: **385.650.469 đồng**, nợ lãi trong hạn: 70.865.494 đồng, nợ lãi quá hạn: 171.318.962 đồng, phí thường niên: 3.300.000 đồng

* Thời gian thanh toán cụ thể như sau:

+ **Đợt 1:** Đến ngày **30/04/2025** Công Ty TNHH D1 trả số tiền gốc là **3.500.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm triệu đồng chẵn)** và lãi phát sinh theo hợp đồng.

+ **Đợt 2:** Đến ngày **31/08/2025** Công Ty TNHH D1 trả số tiền gốc là **3.600.000.000 đồng (Ba tỷ sáu trăm triệu đồng chẵn)** và lãi phát sinh theo hợp đồng.

+ **Đợt 3:** Đến ngày **31/12/2025** Công Ty TNHH D1 trả số tiền gốc là **7.899.000.000 đồng (Bảy tỷ tám trăm chín mươi chín triệu đồng chẵn)** và lãi phát sinh theo hợp đồng.

* Trường hợp **Công Ty TNHH D1** vi phạm nghĩa vụ một trong các đợt đến hạn phải trả thì ngân hàng P có quyền yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ số tiền gốc và lãi còn lại chưa trả của hợp đồng cho vay số TKE/000018/22(“TTCTD”) ngày 15/03/2022 và hợp đồng thẻ tín dụng cá nhân Signature, tên chủ thẻ Nguyễn Thị Thùy D số thẻ tín dụng là 417354*****7261 ngày 16/03/2022.

Kể từ ngày 12/02/2025 bị đơn **Công Ty TNHH D1** còn phải tiếp tục trả lãi **quá hạn** của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng thẻ tín dụng cá nhân các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Trường hợp **Công Ty TNHH D1** không thanh toán khoản nợ trên thì Ngân hàng TNHH một thành viên P được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là:

Tài sản 1: Toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 79, tờ bản đồ số 122, Khu T, phường H, quận L, Thành Phố Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 357283 do Sở T3 cấp ngày 25/10/2017 đứng tên **Nguyễn Thị Thùy D** có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đường ĐĐ

Phía Tây giáp nhà số G Đ,

Phía Nam giáp cống thoát nước

Phía Bắc giáp nhà số F Đ

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/12/2024

Tài sản 2: Toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 103, tờ bản đồ số 82, Tổ I, Phường H, Quận N, Thành phố Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 608066 do Ủy Ban Nhân Dân Quận N cấp ngày 12/01/2009 đứng tên Bà Nguyễn Thị Thùy D có tứ cận như sau:

Phía Bắc giáp kiệt 68 BĐ

Phía Nam giáp đường kiệt (đường đất)

Phía Tây giáp đất trống

Phía Đông giáp nhà dân

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/12/2024

Tài sản 3: Toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 104, tờ bản đồ số 82, Tổ I, Phường H, Quận N, Thành phố Đ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 6080002 do Ủy Ban Nhân Dân Quận N cấp ngày 12/01/2009 đứng tên Bà Nguyễn Thị Thùy D có tứ cận như sau:

Phía Bắc giáp kiệt 68 BĐ

Phía Nam giáp đường kiệt (đường đất)

Phía Tây giáp đất trống

Phía Đông giáp thửa đất số 103

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/12/2024

Tài sản 4: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 218, tờ bản đồ số 39, Tổ C - Phường P - Quận S - Thành phố Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 986512 do Ủy Ban Nhân Dân Quận S cấp ngày 08/09/2009 đứng tên Ông Chế Viết T và Bà Nguyễn Thị Thùy D có tứ cận như sau:

Phía Tây giáp kiệt 65 TĐ

Phía Đông giáp đường M 8

Phía Nam giáp nhà dân

Phía Bắc giáp nhà dân

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/12/2024. Tất cả tài sản nêu trên đều không thay đổi so với thời điểm thế chấp.

3. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng), các bên đương sự thỏa thuận Công Ty TNHH D1 tự nguyện chịu. Ngân hàng TNHH một thành viên P đã nộp và chi phí xong do đó Công Ty TNHH D1 có trách nhiệm thối trả cho Ngân hàng TNHH một thành viên P số tiền 14.000.000 đồng.

4. Án phí DS-ST: 62.527.937 đồng (*Sáu mươi hai triệu, năm trăm hai mươi bảy nghìn, chín trăm ba mươi bảy đồng*) Công Ty TNHH D1 phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TNHH một thành viên P số tiền 61.864.427 đồng (*Sáu mươi một triệu, tám trăm sáu mươi tư nghìn, bốn trăm hai mươi bảy đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003041 ngày 07/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đ.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Viện KSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Dương Thị Kim Nhung